

KẾ HOẠCH

Về việc đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2020

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Căn cứ Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường (BVMT) trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng;

Thực hiện theo nhiệm vụ được giao tại Điều 5 Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT và để đảm bảo cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh xăng dầu đủ điều kiện hoạt động kinh doanh theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường (BVMT) trong kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2020 với những nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục đích

Tạo điều kiện cho các đối tượng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh được tham gia lớp đào tạo và được cấp Giấy chứng nhận đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu theo đúng quy định tại Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT nhằm đảm bảo đủ điều kiện trong hoạt động kinh doanh.

2. Đối tượng

Đối tượng đào tạo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

Nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đủ điều kiện hoạt động kinh doanh xăng dầu theo quy định; Ngày 05/05/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức thực hiện đăng ký lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu năm 2020, thời gian nhận đăng ký đến ngày 05/06/2020. Hiện tại, tổng số lượng học viên đã gửi hồ sơ đăng ký tham gia lớp đào tạo về Sở Tài nguyên và Môi trường là 143 học viên.

Trên cơ sở số lượng học viên đã đăng ký tham gia lớp học và theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tổ chức 01 lớp đào tạo, với nội dung cụ thể như sau:

2.1 Nội dung và chương trình tổ chức lớp học:

TT	Tên chuyên đề	Thời lượng (tiết)		
		Tổng	Lý thuyết	Thảo luận, thực hành
1	Chuyên đề 1: Ảnh hưởng của hoạt động kinh doanh xăng dầu đến môi trường, sức khỏe con người và biện pháp quản lý.	4	3	1
2	Chuyên đề 2: Những quy định của pháp luật, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trong kinh doanh xăng dầu.	4	2	2
3	Chuyên đề 3: Một số biện pháp quản lý, xử lý nước thải nhiễm dầu; ứng phó sự cố tràn dầu và sự cố cháy nổ trong kinh doanh xăng dầu.	4	3	1
4	Chuyên đề 4: An toàn môi trường trong quá trình vận chuyển và kinh doanh xăng dầu.	4	3	1
5	Chuyên đề 5: Một số biện pháp quản lý, xử lý chất thải rắn trong kinh doanh xăng dầu.	4	3	1
6	Thảo luận hoặc viết thu hoạch (Kiểm tra, viết bài thu hoạch hoặc bài tập tình huống theo nội dung các chuyên đề trên)	4	-	4
	TỔNG	24	14	10

2.2. Thời gian tổ chức

- Phát hành thông báo đăng ký học: Đã thực hiện vào tháng 05/2020.
- Phát hành thông báo nhập học: Tháng 08/2020.
- Thời gian nhập học: Tháng 08 năm 2020.
- Kế hoạch tổ chức lớp đào tạo: 01 lớp, 03 ngày/lớp (06 buổi).

2.3. Địa điểm tổ chức

Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ lựa chọn địa điểm phù hợp và thông báo cụ thể cho từng học viên tại Thông báo nhập học.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Cơ sở lập dự toán

- Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của Liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu lạc bộ, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;
- Căn cứ Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường (BVMT) trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng;
- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
- Căn cứ Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Công văn số 4681/UBND-TH ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết kỳ họp thứ 6 - HĐND tỉnh khoá IX.
- Căn cứ Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nội dung, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Mức thu (tạm tính): 480.000 đồng/học viên (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

(Đính kèm phụ lục dự toán chi tiết)

Mức thu trên được xây dựng trên cơ sở các khoản chi phí thực tế cho số lượng học viên đã đăng ký đến thời điểm ban hành Kế hoạch là 143 học viên. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có sự biến động về số lượng học viên (số học viên thực tế tham gia lớp đào tạo tăng hoặc giảm so với số lượng học viên đã đăng ký), Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ xác định lại mức thu và thực hiện thoái thu lại hoặc thu bổ sung tiền học phí của học viên theo nguyên tắc mức thu học phí đảm bảo mức chi phí hợp lý cho công tác tổ chức khóa học theo đúng quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện lớp đào tạo theo đúng nội dung, chương trình của Kế hoạch: tham mưu xây dựng Kế hoạch mở lớp, chịu trách nhiệm thu chi học phí; kê khai, nộp thuế và thực hiện quyết toán các khoản thu chi đúng theo quy định; theo dõi công tác in, quản lý, cấp phát giấy

chứng nhận cho học viên và lưu trữ hồ sơ đúng quy định, chặt chẽ; kết thúc lớp đào tạo có báo cáo kết quả thực hiện.

Các phòng, đơn vị thuộc Sở cùng phối hợp triển khai (khi cần thiết).

Trên đây là Kế hoạch tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ BVMT trong kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2020. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Chi cục Bảo vệ môi trường tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để có hướng chỉ đạo kịp thời. *hhd*

Nơi nhận:

- Tổng cục Môi trường (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Công thương (phối hợp);
- BLĐ Sở;
- Ban biên tập trang TTĐT Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, MT. *hhd*

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hùng

PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Đính kèm theo Kế hoạch số 43 /KH-STNMT ngày 07 /7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ĐVT: đồng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
			Số ngày	Số người			
I	Phát hành thông báo và thu học phí					6.838.492	
1	Thông báo đăng ký tổ chức lớp học					2.417.128	
1.1	Bao thư	thông báo		303	1.000	303.000	
1.2	Tem thư	con		303	4.000	1.212.000	
1.3	Cán bộ thực hiện phát hành thông báo, nhập thông tin học viên (02 người)	ngày/người	2	1	203.182	406.364	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 3: (3*1.490.000)/22 ngày
			2	1	247.882	495.764	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 5: (3,66*1.490.000)/22 ngày
2	Thông báo nhập học					4.421.364	
2.1	Bao thư	thông báo		143	1.000	143.000	Chi phí theo thực tế
2.2	Tem thư	con		143	4.000	572.000	
2.3	Mực in	hộp		1	1.100.000	1.100.000	
2.4	Mực photo	hộp		1	1.500.000	1.500.000	
2.5	Vật tư văn phòng phẩm					700.000	
	Kẹp bướm lớn	hộp		5	21.000	105.000	
	Kim bấm số 10	hộp		5	4.000	20.000	
	Bấm kim số 10	cái		5	35.000	175.000	
	Viết lông bảng	Cây		3	10.000	30.000	
	Keo dán	chai		5	4.000	20.000	
	Kéo	cái		3	20.000	60.000	
	Bìa 03 dây	cái		5	12.000	60.000	
	Bìa nút	cái		10	4.000	40.000	
	Viết xanh, đỏ	cây		10	4.000	40.000	
	Giấy A4	gram		2	75.000	150.000	



TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
			Số ngày	Số người			
2.6	Cán bộ thực hiện phát hành thông báo (02 người)	ngày/người	1	1	203.182	203.182	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 3: (3*1.490.000)/22 ngày
			1	1	203.182	203.182	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 3: (3*1.490.000)/22 ngày
II	Tổ chức lớp học					52.216.534	
1	Báo cáo viên (bao gồm thù lao soạn giáo án, bài giảng) (03 ngày/lớp x 02 buổi/ngày)	tiết	6		1.000.000	6.000.000	Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh
2	Phục vụ lớp học (hướng dẫn học viên vào vị trí ngồi, ổn định lớp, điểm danh, phát và thu bài kiểm tra mỗi chuyên đề) (03 ngày/lớp*04 người/lớp)*50% (trung lương 04 giờ/ngày)	ngày/người	3	1	203.182	304.773	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 3: (3*1.490.000)/22 ngày
			3	1	247.882	371.823	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 5: (3,66*1.490.000)/22 ngày
			3	1	203.182	304.773	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 3: (3*1.490.000)/22 ngày
			3	1	203.182	304.773	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 3: (3*1.490.000)/22 ngày
3	Tài liệu học	quyển	143		50.000	7.150.000	Chi phí theo thực tế
4	Thuê hội trường (03 ngày/lớp)	ngày	3		5.000.000	15.000.000	
5	Bảng rol, bảng hiệu lớp học	lớp	2		800.000	1.600.000	
6	Nước uống, ăn nhẹ (03 ngày)	ngày x người	3	143	40.000	17.160.000	Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh
7	Viết cho học viên	cây	143		4.000	572.000	Chi phí theo thực tế
8	Sổ tay ghi chép	quyển	143		8.500	1.215.500	
9	Bìa nút đựng tài liệu học viên	cái	143		4.000	572.000	

58 X.F
TÀI NG
V
MÔI TR
VA TP

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
			Số ngày	Số người			
10	Biên lai thu tiền (tạm thu)	quyển	4		30.000	120.000	
11	Bao thư (Học viên cung cấp thông tin cá nhân để cấp chứng nhận gồm ảnh học viên, CMND, phiếu cung cấp thông tin).	cái	143		1.000	143.000	Chi phí theo thực tế
12	Xây dựng dự toán thu, nhận thông tin học viên, thu tiền học phí (ghi biên lai tạm thu), xuất hoá đơn thu tiền, kê khai quyết toán nộp thuế, lập báo cáo thu chi, thối thu tiền/ thu bổ sung					1.397.892	
	Cán bộ thực hiện (02 người)	ngày/người	2	1	203.182	406.364	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 3: (3*1.490.000)/22 ngày
			4	1	247.882	991.528	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 5: (3,66*1.490.000)/22 ngày
III	Tổ chức kiểm tra					2.108.500	
1	Mức chi ra đề, chấm bài kiểm tra, lên bảng điểm					1.567.000	Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012; Bảng thanh toán tiền
	- Biên soạn, ra đề kiểm tra trắc nghiệm: Mức chi ra đề thi trắc nghiệm: 37.500 đ/ giờ * 2 giờ/01 chuyên đề * 5 chuyên đề (Định mức 300.000đ/8 giờ=37.500đ/giờ)	chuyên đề	5		75.000	375.000	Vận dụng khoản 2.2 mục 2 và khoản 4.1 mục 4 của Phụ lục đính kèm TTLT số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT
	- Chấm bài, lên bảng điểm: (20.000 đ/giờ x 11,92 giờ)=238.400 đ/chuyên đề (143 bài * 5 phút/bài) =715 phút (11,92 giờ)	chuyên đề	5		238.400	1.192.000	
2	Photo bài kiểm tra (05 chuyên đề)	tờ	5	143	500	357.500	Chi phí theo thực tế
3	Bìa nút lưu bài kiểm tra	cái	10		4.000	40.000	
4	Bìa 03 dây 15p	cái	2		9.000	18.000	
5	Hộp đựng tài liệu 15p	hộp	3		42.000	126.000	

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
			Số ngày	Số người			
IV	Cấp chứng nhận					5.070.620	
1	Rà soát thông tin, lập danh sách học viên đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận trình Sở phê duyệt và in GCN, dán ảnh và đóng dấu GCN, theo dõi cấp phát GCN cho học viên, lập báo cáo kết quả về Sở (04 người)	ngày/người	3	1	203.182	609.546	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 3: (3*1.490.000)/22 ngày
			2	1	247.882	495.764	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 5: (3,66*1.490.000)/22 ngày
			3	1	203.182	609.546	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 3: (3*1.490.000)/22 ngày
			2	1	247.882	495.764	Tính theo hệ số lương kỹ sư bậc 5: (3,66*1.490.000)/22 ngày
2	Chi phí in, ép chứng nhận (bao gồm tiền công in, giấy, mực in và thuế VAT)	chứng nhận	143		20.000	2.860.000	Chi phí theo thực tế
Tổng cộng						66.234.146	Tổng chi thực tế từ lớp học
Nộp 2% thuế TNDN từ hoạt động đào tạo (tạm tính 480.000 đ/học viên *143 học viên *2%)						1.372.800	(Khoản 5, Điều 3, TT78/2014/TT-BTC)
Thuế môn bài						1.000.000	
Tổng chi						68.606.946	Tổng tất cả các khoản chi
Mức thu						479.769	Chia đều cho 143 học viên
Mức thu (làm tròn)						480.000	

Số tiền bằng chữ: **Bốn trăm tám mươi ngàn đồng.**